

NÓI VỀ GIA ĐÌNH PHẦN 1

Kịch bản: Hải Hồ

Người đọc: Nguyễn Thương

Trong bài 1 của hai phần nói về chủ đề gia đình, chúng ta sẽ nói về việc làm sao để giới thiệu về gia đình trong tiếng Đức, hãy bắt đầu như thường lệ với Marcus và Isabel. Khi Isabel nói về gia đình cô ấy, sẽ có một vài từ khóa như:

- *Bruder, Schwester, Vater, Mutter, Eltern*

Chúng ta sẽ không nói về nghĩa của các từ vì các từ vựng này đều dễ dàng đoán ra được nghĩa vì chúng ta học với những hội thoại ngắn trong bối cảnh Isabel nói về gia đình cô ấy trong bức ảnh chụp gia đình.

Bắt đầu lắng nghe nhé.

- *Markus, das ist mein Freund Hans, aus Köln, auf dem Foto.*
- *Aah, er ist nett. Und wer ist das auf dem Foto?*
- *Das ist meine Familie. Das ist mein Bruder Ulver. Meine Schwester heißt Heike.*
- *Sind das dort deine Eltern?*
- *Ja, richtig. Das ist mein Vater. Er heißt Elen. Und das ist meine Mutter. Sie heißt Erika.*
- *Wo wohnen sie?*
- *Sie wohnen in Hannover. Mein Bruder wohnt in Düsseldorf.*

Hãy lắng nghe đoạn hội thoại thêm một lần nữa

Trong đoạn hội thoại này, Isabel nói về thành viên trong bức ảnh mà cô ấy đang cầm. “Trong bức ảnh”, rất dễ, cô ấy nói là

- *Auf dem Foto*

Đầu tiên cô ấy nói về thành viên đầu tiên trong bức ảnh, đó là Hans

- *Mein Freund, Hans*

Rất dễ phải không?. mein nghĩa là “của tôi”, phải không?

- *Richtig*

Bạn cần nói mein Freund bởi vì Freund là danh từ giống Đực. Trong trường hợp chúng ta nói về bạn có giới tính nữ, chúng ta nói

- *Meine Freundin*

Đúng rồi, để tôi thử nhé, “meine Freundin”.

Các bạn nhớ nhé, Mein sẽ dành cho giống Đực, còn Meine dành cho giống cái.

Cũng có các danh từ giống trung như

- *Das Haus*

Để nói “ngôi nhà của tôi”, sẽ nói là

- *Mein Haus*

OK tôi sẽ thử “Mein Haus”

- *Perfekt!*

Nào bây giờ nghe Isabel nói lại một lần nữa

- *Markus, das ist mein Freund Hans, aus Köln, auf dem Foto.*

Isabel nói rằng Hans đến từ Cologne, nhưng trong tiếng đức chúng ta không nói Cologne, chúng ta nói

- *Köln*

Từ này có một nguyên âm không phổ biến trong tiếng việt, đó là ö, để tôi thử „Körln“.

Tiếp theo, trong đoạn hội thoại, Marcus hỏi „ai trong bức ảnh này vậy?“. Câu hỏi đó là

- *Und Wer ist das auf dem Foto*

Wer nghĩa là „ai?“ . Và hãy chú ý đến từ vựng „Das“, nó có một số nghĩa khác nhau, phụ thuộc vào bối cảnh, bao gồm cái này, cái kia, những cái kia.

Vậy để nói „đây là gia đình tôi“ Isabel nói

- *Das is meine Familie*

Và tôi thấy rằng tôi cần phải nói „Meine“ bởi vì Familie là danh từ giống cái.

Isabel cũng đề cập đến anh trai cô ấy, cô ấy nói

- *Das ist mein Bruder Ulver.*

„das ist“ là „đây là“, câu trên cũng là một ví dụ khác của đại từ chỉ định (Demonstrativpronomen) - Das.

Sau đó Isabel đề cập đến chị em gái của cô ấy, Isabel nói

- *Meine Schwester heißt Heike.*

Nghĩa là cô ấy tên Heike, Marcus đã hỏi về bố mẹ của Isabel, „die Eltern“, hãy nghe lại câu hỏi một lần nữa.

- *Sind das dort deine Eltern?*

Có bố mẹ của bạn ở trong bức ảnh này không?

Bạn đã biết từ mein và meine, tôi đoán rằng dein và deine nghĩa là your.

- *Das ist richtig*

Deine eltern – bố mẹ của bạn

Cấu trúc của câu hỏi là „sind das deine eltern?“. Sind là động từ, sein là động từ tobe (giống are, is...trong tiếng anh), stimmt?

- *Stimmt?*

Tôi thử nói lại câu hỏi một lần nữa nhé. „sind das dort deine eltern? đúng không

- *Ok*

Vậy là, dort nghĩa là „ở kia“. Và „hier“ nghĩa là „ở đây“.

Để trả lời cho câu hỏi của Marcus về gia đình của Isabel, hãy nghe Isabel trả lời bằng hai phần, phần đầu cô ấy nói.

- *Ja, richtig. Das ist mein Vater.*

Và tiếp theo là

- *Er heißt Elien.*

Nói về mẹ Isabel, cô ấy nói

- *Und das ist meine Mutter*

Và sau đó là

- *Sie heißt Erika.*

Tôi nghĩ bạn có thể đoán nghĩa dễ dàng được toàn bộ các câu nói này, phải không?

„Đây là bố của tôi, tên ông ấy là Elien, và đây là mẹ của tôi, mẹ tôi tên là Erika“

Động từ „sein“ (động từ tobe) sẽ là từ khóa của toàn bộ các câu nói trên, chúng ta đã gặp từ này ngay từ đầu của bài học, mặc dù chúng ta không đề cập đến nghĩa của nó.

Chúng ta hãy cùng cố kiến thức lại nhé.

Anh ấy là, là

- *Er is*

Và cô ấy là, là

- *Sie ist*

Và họ là, sẽ là

- *Sie sind*

Bây giờ, Marcus hỏi rằng bố mẹ Isabel sống ở đâu, câu hỏi anh ấy dùng để hỏi sẽ sử dụng động từ („wohnen“) nghĩa là „sống“

Nghe một lần nữa nhé.

- *Wo wohnen sie?: họ sống ở đâu*

Chúng ta đã có sie heißt nghĩa là „cô ấy tên là“, và bây giờ chúng ta có sie wohnen cho danh từ số nhiều „họ sống“.

Đại từ sie có thể có nghĩa là „cô ấy“ hoặc „họ“, phụ thuộc vào bối cảnh

Tôi có thể nói „cô ấy sống ở đâu“ bằng cách nói („Wo wohnt sie?“)

Quay lại động từ wohnen, Isabel trả lời

- *Sie wohnen in Hannover*

Họ sống ở Hanover, bố mẹ của cô ấy sống ở Hanover, chúng ta có đại từ nhân xưng số nhiều là bố và mẹ của Isabel

Isabel nói về anh trai/em trai cô ấy

- *Mein Bruder wohnt in Düsseldorf*

Mein Bruder wohnt – anh /em trai tôi sống ở

Ok. Chúng ta đã nghe hết bài học, tôi đã học dc rất nhiều bài học và từ vựng trong bài, ví dụ như động từ sein, wohnen, cũng như làm thế nào để nói „của tôi“, „của bạn“. Và bạn có thể củng cố lại kiến thức của mình một cách chắc chắn để triển khai sang các câu nói khác tương tự.

Các bạn nhớ học kĩ bài, nghe và dự đoán nghĩa các từ vựng, học đi học lại nhiều lần cho nhuần nhuyễn, và cố gắng nhẩm lại những đoạn hội thoại để tập nói. Cuối cùng là nếu thấy khó khăn, có thể sử dụng Transkription ở dưới nhé.

Hãy nghe hội thoại một lần nữa nhé.